

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM, SGD HÀ NỘI**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CDC, Số 25 Lê Đại Hành, P Lê Đại Hành, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Thu Hương – Người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà CDC, Số 25 Lê Đại Hành, P Lê Đại Hành, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia công bố về **Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 đã được công ty kiểm toán soát xét, Giải trình chênh lệch lợi nhuận và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được công ty kiểm toán soát xét.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14 tháng 08 năm 2020 tại đường dẫn: www.irs.com.vn/Giới thiệu IRS/ IRS công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 đã được công ty kiểm toán soát xét;
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2020 đã được công ty kiểm toán soát xét;



Trần Thị Thu Hương

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại thời điểm 30/06/2020



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	05 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2020.

Khái quát Chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 12 năm 2015; Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 3 năm 2016 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 7 năm 2017 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 8/12/2015 thì:

- Vốn Điều lệ của Công ty là: **300.000.000.000 đồng** (Ba trăm tỷ đồng)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

	Chức vụ
Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực

Ban Tổng giám đốc

	Chức vụ
Bà Trần Thị Thu Hương	Tổng giám đốc

Ban Kiểm soát

	Chức vụ
Ông Đoàn Danh Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên
Bà Phan Thị Mai Hương	Thành viên

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2020.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Trần Thị Thu Hương

Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Số: 417-20/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 15 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 phù hợp quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét Thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.



Đặng Thị Thu Huyền

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Khanh

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hương

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	300.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	(5.715.000.000)	-	-
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-	-	-
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	96.715.449	-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	96.715.449	-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
10	Lợi nhuận chưa phân phối	9.368.305.261	-	-
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	11.000.000.000	-	-
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-	-	-
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	(115.144.012)	706.870
16	Vốn khác (nếu có)	-	-	-
1A	Tổng			314.732.299.017
B	Tài sản ngắn hạn			
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	-	-
2	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
4	Các khoản cho vay	-	-	-
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	-
5	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	-	-
	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)	-	-	-
7	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết	-	-	-
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	-
10	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	26.659.392.593	-
	Phải thu nội bộ	-	-	-
11	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	-	-	-
12	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
13	Các khoản phải thu khác	-	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		289.101.006	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác			
	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		15.000.000	
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		-	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.298.028.902	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		754.918.690	
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			29.016.441.191
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		59.428.451.680	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
II	Tài sản cố định		984.344.735	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		539.920.882	
2	Chi phí trả trước dài hạn		124.585.122	
3	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		8.777.975.371	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			69.855.277.790
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng			-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D				215.860.580.036

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt (VND)	-	158.879.970.822	-
2	Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	-	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ		-	-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	-	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	-	-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	-	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
IV. Cổ phiếu				243.618.766
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	5.857.660	585.766
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	61.360.000	9.204.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	207.000.000	41.400.000
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	384.858.000	192.429.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			82.500	33.000
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	82.500	33.000
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	-	-
VII. Chứng khoán phái sinh				-
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VIII. Chứng khoán khác				-
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				243.651.766

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN**

	Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)	2.285.992.567
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)	-
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)	-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	2.285.992.567

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	0,0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
Hệ số rủi ro	0,0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
1 Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	2.113.998.000	171.994.567	2.285.992.567
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							2.285.992.567

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tượng được xác định như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	0,8%

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)****B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN**

(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	-	-

TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN

-

3. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		30%		-

TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM

-

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới 30/06/2020	17.470.133.728
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (thuyết minh I)	373.355.751
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	17.096.777.977
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% x III)	4.274.194.494
V	20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	50.000.000.000
	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})	50.000.000.000

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị
Chi phí khấu hao	373.355.751
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
	373.355.751

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

TT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	243.651.766	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	2.285.992.567	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	52.529.644.333	
5	Vốn khả dụng	215.860.580.036	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	410,93%	

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khanh

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Trần Thị Thu Hương